TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VN** **TỈNH KH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 73/2023/QĐST-HNGĐ	*VN, ngày 09 tháng 6 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 111/2023/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 4 năm 2023 về việc "Ly hôn", giữa:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị Hiếu H - sinh năm: 1995;

Trú tại: Thôn NT, xã VT, huyện VN, tỉnh KH.

- Bị đơn: Anh Võ Văn T - sinh năm: 1988;

Trú tại: Thôn NT, xã VT, huyện VN, tỉnh KH.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 01 tháng 6 năm 2023;

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 01 tháng 6 năm 2023 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Trần Thị Hiếu H và anh Võ Văn T.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung:

Giao các con chung là Võ Trần T K - sinh ngày 27 tháng 7 năm 2017 và Võ Trần T K1 - sinh ngày 25 tháng 12 năm 2020 cho chị Trần Thị Hiếu H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các con chung lần lượt đủ 18 (mười tám) tuổi.

Chị H không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh T được quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

Trong quá trình nuôi dưỡng con chung, nếu xét thấy cần thiết chị H, anh T có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con chung cũng như việc cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Chị Trần Thị Hiếu H và anh Võ Văn T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Chị Trần Thị Hiếu H tự nguyện chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2022/0001857 ngày 20/4/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện VN. Chị H được hoàn trả lại số tiền chênh lệch là 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh KH;
- VKSND tỉnh KH;
- VKSND huyện VN;
- Chi cục THADS huyện Vạn Ninh;
- UBND xã VT (Giấy chứng nhận kết hôn số 29/2014, ngày 15/8/2014);
- Hồ sơ vụ án;
- Lưu: VT, AV.

THẨM PHÁN

Bùi Vũ Tuyết Mỹ